

TRUYỀN KHẨU - MỘT HÌNH THỨC PHÁT TRIỂN BẢO TỒN VĂN NGHỆ DÂN GIAN HIỆU QUẢ

VĂN TẶNG

Trong kho tàng văn nghệ dân gian (Folklor) nói chung, không ít câu hò, lời hát nhiều người biết và thuộc. Nhưng nếu người đi sưu tầm hỏi của ai và xuất hiện ở đâu, xuất hiện từ bao giờ thì người hát, người đọc không rõ, không trả lời được. Điều ấy xảy đến vì văn nghệ dân gian là loại hình mang tính đặc thù: truyền khẩu.

Chúng ta có thể hiểu một cách chân thật nhưng đầy tính hình tượng rằng: Tổ quốc Việt Nam là mẹ. Văn nghệ dân gian là dòng sữa mẹ không bao giờ cạn! Văn nghệ dân gian là con ong làm ra bao nhiêu mật quý cho nguồn thơ văn và nghệ thuật, cho cuộc sống của dân tộc nói chung. Văn nghệ dân gian từ sau Cách mạng tháng Tám càng phát triển đúng phương hướng mà vẫn giữ đặc trưng Folklor của nó. Sự đòi hỏi hưởng thụ văn nghệ dân gian xuất hiện từ lứa bé lên hai, lên ba bằng lời ru của mẹ, của bà, đó là nguyên sơ của sự giao tiếp xã hội, của cái - cho - ta ở tế bào nhỏ nhất. Bác Hồ lúc gần qua thế giới khác, Người thèm nghe khúc dân ca Nghệ Tĩnh. Xét cho cùng cũng xuất phát từ những điều của nguyên lý trên.

Dòng sữa ấy đã tạo nên dòng chảy vô tận ở mọi nơi, mọi lúc như những mạch ngầm len lỏi trong lòng đất. Mỗi khi xã hội có những chuyển biến, văn nghệ dân gian cũng có ảnh hưởng như dòng chảy khi qua những ghềnh thác vẫn tìm cách luồn lỏi để không bị cản dòng ứ trệ. Điều đó để thấy sự vận động và phát triển, tự bản thân của văn nghệ dân gian mang tính tất yếu của mọi hoàn cảnh. Có thể là trước một sự kiện lịch sử lớn như chiến tranh,

có thể là trước một hoàn cảnh thiên tai như lũ lụt, bão tố, có thể là trước một công việc của nghề nghiệp đang làm, hay có thể là trước một sự cuốn hút của tình yêu... thì văn nghệ dân gian luôn luôn có chỗ đứng của nó và luôn được bảo tồn.

Chẳng hạn một người con trai vô tình đi qua đồng làng ban đêm thấy dáng một cô gái đang vẩy gàu tát nước vào ruộng lúa, bất chợt cảm hứng trước vẻ đẹp thiên nhiên hòa quyện với con người mà đã cất lên lời ca rằng:

*Cô kia tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.*

Người con trai cứ hát để mà hát vì đang cao hứng, nhưng rồi sau đó tức khắc cô gái tát nước lại nảy ra một ý tưởng mới của công việc mình đang làm mà cất giọng cao vút hò đáp trả:

*Ánh trăng em chẳng thiếu gì
Anh có thóc giống, em thì đổi cho.*

Họ chỉ bắt giác mà xuất khẩu ra như vậy, trong một hoàn cảnh như vậy, nhưng hai câu ca ấy nó cứ sống mãi cho đến tận bây giờ bằng sự truyền khẩu mà mọi người ai đã nghe, là thuộc chứ không ký tự bằng loại bút mực nào cả ngoài sự ghi nhớ trong ký ức.

Hoặc nữa, một cô gái ra đồng cắt cỏ về cho trâu nhà, cô đã hứng lên khi nhìn lại trong tay mình chỉ là một chiếc liềm con, lưỡi liềm sắt uốn cong hình vành trăng lấp lánh mà bao nhiêu loại cỏ xanh tốt bên bờ ruộng phải chịu khuất phục dưới tay cô. Khi lòng cô đang háo hức tình mến yêu con trâu nhà, liền đã cao hứng hát lên thật lãng mạn rằng:

Tay cầm bán nguyệt hiền ngang

Một trăm thức cở phải hàng tay ta.

Hoặc cũng mô típ ấy, một anh bộ đội đang luyện tập trên thao trường, thấy tay mình đang cầm khẩu súng sáng ngời ngắm vào tấm bia mục tiêu cũng hứng chí mà hát lên:

Tay cầm khẩu súng hiên ngang

Một trăm giặc Pháp phải hàng tay ta.

Rồi thì hai câu hát đầy khí phách của cô thôn nữ ấy và của anh tân binh ấy lại được truyền loang đi nơi này nơi kia khi người nào cầm liềm cắt cỏ trên tay hay cầm súng cũng cất lời lên hát như hát cho tự mình vậy. Ca dao phần nhiều nằm trong nhịp điệu và cả tính địa phương nữa, đồng thời nhịp điệu càng bổ sung cho phần nghiên cứu tính điển xứng rõ ràng nhất. Nhờ vậy, các câu lục bát có thể ngâm nga, ca hát lúc gĩa gạo, chèo thuyền, ru con..., thậm chí còn cả gánh nặng vượt dốc vượt đèo nữa vẫn cất lên điển xứng được như:

Ờ hò! Đèo cao thì mặc đèo cao

Tinh thần gánh gạo còn cao hơn đèo. Ờ hò...

Quê hương Quảng Bình, nơi nào cũng phong phú lời ca dao dân ca như vậy. Và khi được biến tấu qua hò khoan thì lại càng được nhiều người ưa chuộng.

Cũng vì thế điệu hát hò khoan lại là môn hát của lục bát biến thể phổ biến trên đất Quảng Bình hay nơi nào hát hò khoan cũng có. Trong những lúc hội hè hò khoan thường xuất hiện, trong đám cưới vẫn có giọng hò khoan cất lên, thậm chí có nơi trong đám tang hò khoan cũng là một hoạt động như “hò đưa linh” khích lệ linh hồn người quá cố, cùng chia buồn với gia chủ cho gia chủ vơi bớt đau thương. Cứ thế người nghe càng thấm, càng thuộc từng câu hò.

Khi đất nước ta giành được chính quyền, dẫn người dân đã thanh toán nạn mù chữ nhưng khi nghe câu hò ai đó cất lên ở đâu đó lại lấy giấy bút ra ghi chép. Không. Họ chỉ truyền

khẩu cho nhau, dù câu hò ấy dài ngắn thế nào cũng mặc.

Chẳng hạn như mấy câu hò khoan sau đây trong một lần được hò ở trường hò một làng quê nay nhiều người vẫn thích, vẫn thuộc từ cách biến thể lục bát, như câu:

Chữ chi gió thổi không bay

Anh mà đối đặng em đưa tay dắt về.

Thì lúc hò đã biến thể như:

Em hỏi anh

Hai chữ chi đem chôn xuống đất

Hai chữ chi mà cất lên tra

Hai chữ chi chim phượng tha không nổi

Hai chữ chi con gió thổi không bay

Trai nam nhơn anh mà đối đặng, em đưa tay anh dắt về nhà.

Nói “Hò khoan có lối, hát bội có tuồng” nên anh con trai đã tìm “lối”, không chịu thua, phát huy trí minh tuệ của mình khi biết người con gái đổ hò bằng cách chọn chữ chơi. Vậy là anh đã kịp thời trả hò theo “lối” biến thể lục bát ngay:

Là hỏi em ơi!

Hai chữ tiền tài là hai chữ đem chôn xuống đất

Hai chữ nhân ngãi là hai chữ đem cất lên tra

Hai chữ yêu thương là hai chữ chim phượng tha không nổi

Hai chữ hiếu trung là hai chữ con gió thổi không bay.

Trai nam nhi anh đã đối đặng xin em hãy cầm tay anh cùng về.

Cũng như vậy, trong hàng loạt câu hò khoan truyền miệng có nhiều câu hò đổ và nhiều câu hò trả đã gây cho người nghe dễ nhớ và dễ thuộc. Cứ kiêu, sau khi nghe hò rồi, mỗi người nhớ một ít, nhấp miêng nhắc nhau. Và cũng vì như thế nên văn nghệ dân gian ít giữ lại nguyên bản mà thường có nhiều dị bản. Thêm một ví dụ tiếp như sau:

Thiếp hỏi chàng!

Một trăm thứ dầu, dầu chi là dầu không thấp

Một trăm thứ bắp, bắp chi là bắp không rang

Một trăm thứ than, than chi là than không quạt

Một trăm thứ bạc, bạc chi là bạc không tiêu

Trai nam nhi anh mà đối đặng hai múi lụa điều thiếp xin trao.

Nàng hỏi thì chàng xin thưa:

Một trăm thứ dầu, thì dầu giải, giải dầu là dầu không thấp

Một trăm thứ bắp, thì bắp mềm miệng là bắp không rang

Một trăm thứ than, thì than thổi, thổi than là than không quạt

Một trăm thứ bạc, thì bạc tình, bạc nghĩa là bạc không tiêu

Trai nam nhi đây đã đối đặng, hai múi lụa điều em hãy trao đi.

Cứ thế lời đố thì sâu, lời thách thì dí dỏm mà kéo dài cuộc hò khoan đêm này qua đêm khác không chấm dứt.

Hoặc:

- Em đố anh:

Một trăm thứ hổ, hổ chi là hổ không nác (nước)

Một trăm loại thước, thước chi là thước không dây

Một trăm loài cây, cây chi là cây không trái

Một trăm con gái, gái chi là gái không chồng

Trai nam nhi anh mà giải đặng, em đây gái má hồng xin theo.

- Anh trả lời em!

Một trăm thứ hổ, thì hò khoan là hổ, là hổ không nước

Một trăm loại thước, thước thợ mã, là thước không dây

Một trăm thứ cây, cây hương trên bàn thờ,

là cây không có trái

Một trăm người con gái, gái ở góa là gái không chồng

Trai nam nhi anh đã đối đặng giờ em cùng theo chưa.

Rõ là những câu hò như vậy không có sự truyền khẩu thì không có sự tồn tại cho tới ngày nay. Cho nên những câu hát dân gian xưa thường xuất hiện trong nhiều bối cảnh mà chủ yếu để góp thêm cho phong phú đời sống, nó hòa cùng vào đập nhịp với tất cả các lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế, thấp thoáng ánh sáng đi cho nhân loại tin tưởng và hành động theo đúng phương hướng thời đại là tình yêu, là hòa bình, là hạnh phúc, là tự do...

Nói truyền khẩu và nhờ truyền khẩu dân gian mà nay người dân Bảo Ninh ra biển đánh cá có một bài ca về “Hải trình biển” còn lưu giữ được trong dân gian truyền khẩu như là một vốn quý. Theo lời các ngư phủ cao tuổi giờ không còn ra biển nữa, thì “Hải trình biển” được hình thành từ rất lâu, người này một câu, người kia một đoạn chấp lại mà có 300 câu. Sau này do tính dị bản mà có nơi ghi chép ra đến 1.000 câu và có bản 600 câu. Nhưng bản 300 câu là rõ ràng mạch lạc, dễ hát, dễ thuộc, dễ truyền hơn cả. Từ cái thời mà ngư phủ ra biển chưa có đủ thiết bị theo dõi thời tiết, theo dõi độ cạn sâu, địa bàn tìm hướng thì họ đã sáng tạo ra bài ca “Hành trình biển” để ứng dụng. Và cứ thế người này truyền qua người khác, cha truyền cho con, ông truyền cho cháu, mới có được một bài hành trình ra Bắc, một bài hành trình vào Nam. Ví dụ một đoạn trong “Hành trình biển” ra Bắc như:

“Cửa lạch Ròn sóng dồn kỷ ức/ Nơi ghe thuyền thốn thức tình quê/ Những ngày xuôi ngược đi về/ Lược trình ra Bắc lược kê mấy dòng.../ “Ngó ra xa mù mịt Hòn Ông/ Ngoài sóng ngoài một vùng Rạn Ló/ Dãy Hoành Sơn lộ lộ cao phong/ Thuyền đi yên ngựa thẳng

*dong/ Núi Công chộ mặt Mũi Rồng nhô ra/
Dáng Vụng Chùa thân bà phơi cánh/ Bóng
Hòn La thấp thoáng kê bên/ La ngoài có trừa
hai bên/ Mũi Công trong bại đất liền bò ra/
Chạy Kinh trong vờ ra Xó Rác/ Gió Nam Lào
bụi cát Trường Sơn” ...*

Rồi bao nhiêu bài về về loài cá xuất phát từ vui truyền miệng để ngày nay giữ một kho tàng đồ sộ trong văn hóa miền biển.

Ở vùng nông quê thì cũng có cách truyền miệng phong phú của dạng hát về như về các loài chim dạy cho trẻ nhận biết:

Ví dụ: *Cu cu lạo lạo/ trao tráo (sáo) là linh/
cà cưỡng chín quan/ ác là ông tham/ chất béo
ông xạ/ quạ quạ là dân/ ăn mần quan bắt / mặt
cắt là vua / không thua con diều...*

Hầu như các bài về đều do truyền khẩu mà dân gian giữ lấy được để ngày nay giới sưu tầm nghiên cứu ghi chép lại lưu giữ. Có những bài về mang giá trị lịch sử có ý nghĩa như **“Về thất thủ Kinh đô”** cũng là một dạng truyền khẩu mà nay ta có. Ở Quảng Xá, bài về năm Đinh Hợi (1947) giặc Pháp đến xâm lược truyền khẩu rằng:

*Cái về Đinh Hợi/ Tháng hai Tây tới/ Đổ bộ
Quảng Bình/ Lặn tới Quảng Ninh/ Chia ra
nhiều ngã/ Khắp nơi thiên hạ/ Ai cũng hãi
hùng/ Dưới thì súng nổ lung tung/ Trên thì tàu
bay khùng bố... Bài về dài hàng trăm câu
nhiều người nay còn học thuộc.*

Còn nữa, nếu ai đã từng xem trò chơi bài chòi ngày xuân thì càng thấy rõ tính truyền khẩu vô cùng độc đáo và giá trị. Người thầy cái ngòi lắc ống rút thẻ có tên thì hô. Người ngòi chòi lắng nghe lời hô mà đoán để rút thẻ dành phần thắng cho mình. Chẳng hạn người cái rút ra được một con xe thì xướng:

Năm mới đi chợ mừng xuân

*Hồi bà con ơi lạng lạng mà nghe, mà nghe
tôi hô con bài*

Hồi bà con ơi lạng lạng mà nghe con xe đi

chợ ở hò con xe đây.

Thế là chòi có con xe đánh lên ba tiếng mõ và người chạy cái cầm cờ chạy đến cắm lên chòi. Người cái lại lắc ống rút thẻ, khi rút được thẻ con cá thầy hô:

*Năm nay thầy mẹ dạy con, biết ăn biết nói
đừng để con học thói bắt lương. Cá không ăn
muối cá won, con cưỡng cha mẹ trăm đường
con hư. Ở hò là con cá đây.*

Lời thầy cái hô bao giờ cũng sáng tạo để luôn tạo sự hồi hộp hấp dẫn người chơi. Mỗi lời hô trong cuộc chơi được ghi nhớ truyền khẩu cho nhau để lễ hội mùa sau lại học cách làm tiếp.

Có thể dẫn ra rất nhiều các thể loại văn nghệ dân gian với chủ đích là để chúng ta thấy giá trị truyền khẩu, **“Bung miệng thổng chứ không ai bung được miệng thế”** như người đời vẫn dạy là vậy. Sức mạnh truyền khẩu trong văn nghệ dân gian như truyện cười, truyện tiếu lâm, giai thoại, truyện cổ tích... nhờ thế mà nó vững bền và tạo nên giá trị trường tồn của loại hình. Và để chúng ta càng thấy tính truyền khẩu của dân gian đã đi từ giai đoạn lịch sử này sang giai đoạn lịch sử khác, trải qua bao nhiêu thế kỷ càng truyền miệng, càng giữ được chất dân gian và không thể biến động.

Cho đến hôm nay trong dân gian còn lưu giữ hàng ngàn câu ca dao, câu hò khoan cũng như nhiều thể loại dân gian khác thông qua truyền khẩu. Chính hiệu quả văn nghệ dân gian có được đã góp phần tích cực thúc đẩy theo từng bước tiến của xã hội hướng về lý tưởng của dân tộc, với tinh thần như anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi đã nêu **“Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn”** và như ý chí của Đảng ta cũng như ý nguyện của Bác Hồ kính yêu luôn luôn nêu cao **“Không có gì quý hơn độc lập tự do”**. Trong mọi định hướng đi lên trong công cuộc đổi mới này thì văn nghệ dân gian càng khẳng định vị trí của nó ■